

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2024/HS-ST

Ngày 27-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Túy; Bà Nguyễn Thị Đoan.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Chu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại phòng xét xử hình sự Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với

1. Bị cáo: Nguyễn Duy S; tên gọi khác: không; giới tính: Nam;

Sinh ngày 13/9/1991, tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1968. Họ và tên mẹ: Vũ Thị H, sinh năm 1970; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 9 năm 2011 nhập ngũ đến tháng 01 năm 2013 xuất ngũ về địa phương; Bị tạm giữ từ ngày 14/6/2024 đến ngày 20/6/2024 chuyển tạm giam. Quá trình tạm giam, do bị can sức khỏe yếu, thường xuyên phải điều trị bệnh U nhầy nhú trong ống tụy (IPMN) tại bệnh viện nên được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 04/7/2024.

2. Bị cáo: Nguyễn Văn L; tên gọi khác: không; giới tính: Nam;

Sinh ngày 03/9/1991, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1971; Họ và tên mẹ: Phạm Thị L1, sinh năm 1974; Chưa có vợ, con; Tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 12/2020/HSST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 04 năm 6 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, chấp hành xong

bản án ngày 29/8/2023; Bị tạm giữ từ ngày 01/6/2024 đến ngày 07/6/2023 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người chứng kiến:

- Ông Nguyễn Việt T1, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Tổ F, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

- Ông Đỗ Quốc T2, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Tổ C, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

- Ông Lê Văn D, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, vắng mặt những người chứng kiến)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Nguyễn Duy S và bị cáo Nguyễn Văn L đều nghiện chất ma túy. S không quen biết L, nhưng L biết S do trước đó đã nhìn thấy S và được nghe những người nghiện ma túy khác nói S có bán ma túy. Trưa ngày 01/6/2024, S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, biển kiểm soát 17B7-188.56 của mẹ để là bà Vũ Thị H, đi từ nhà đến khu vực đường tàu quận L, thành phố Hải Phòng, mua của một người phụ nữ khoảng 50 tuổi, không quen biết, 02 gói Heroine với số tiền 600.000 đồng rồi giấu vào túi chéo giả da màu nâu đang đeo, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời và điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khoảng 17 giờ cùng ngày, S mang theo chiếc túi chứa ma túy nêu trên rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B7-188.56 đi từ nhà đến khu vực cánh đồng thuộc địa phận thôn A, xã Q thì dừng lại. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, L đi bộ từ nhà đến khu vực cánh đồng thôn A, xã Q tìm mua ma túy để sử dụng thì gặp S đang ngồi trên xe mô tô nên L hỏi “*có hàng không, để cho một quả*”. Hiểu ý L hỏi mua ma túy, S đáp: “*có, bốn trăm*”. Sau đó, L lấy ra 01 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng và 02 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng đưa cho S. S nhận tiền rồi lấy từ túi chéo giả da màu nâu đang đeo ra 01 gói Heroine có vỏ ngoài là giấy ni lông màu đen bán cho L. L giấu gói ma túy vừa mua được vào túi quần bên phải phía trước đang mặc và đi bộ tìm nơi sử dụng, còn S điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, trong khi làm nhiệm vụ tại khu vực tổ D, thị trấn Q, huyện Q, tổ công tác của Công an huyện Q phát hiện L đang đi bộ một mình, có biểu hiện liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu L về trụ sở Công an thị trấn Q để kiểm tra. Tại đây, trước sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương và ông Nguyễn Việt T1 cùng ông Đỗ Quốc T2, tổ công tác tiến hành kiểm tra, thu giữ tại túi quần bên phải phía trước L đang mặc 01 gói giấy ni lông màu đen, bên trong là giấy trắng có dòng kẻ màu xanh, đen chứa chất bột màu trắng dạng cục (*qua giám định là H2 có khối lượng 0,3544 gam*). L khai nhận đó là gói Heroine L2 vừa mua của S với số tiền 400.000 đồng để sử dụng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với L2, quản lý, niêm phong vật chứng. Cùng ngày 01/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của L2 tại thôn A, xã Q, huyện Q, không phát hiện, thu giữ gì.

Đối với bị cáo S sau khi bán 01 gói Heroine cho bị cáo L2, S đã sử dụng hết gói Heroine còn lại và chi tiêu cá nhân hết số tiền 400.000 đồng do bán ma túy cho L2 mà có. Buổi chiều ngày 13/6/2024, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B7-188.56 đi từ nhà đến khu vực đường tàu quận L, thành phố Hải Phòng, mua của một người phụ nữ khoảng 60 tuổi, không quen biết, 02 túi ni lông trong suốt có nẹp cài viên màu xanh chứa Methamphetamine và 01 túi ni lông trong suốt có nẹp cài viên màu đỏ chứa 24 gói Heroine với số tiền 1.000.000 đồng, với mục đích để sử dụng và bán kiếm lời rồi giấu vào túi chéo giả da màu nâu đang đeo và điều khiển xe đi về nhà. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 14/6/2024, S mang theo chiếc túi chứa ma túy nêu trên, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B7-188.56 đi từ nhà đến xã Q, huyện Q để bán ma túy kiếm lời. Khi đi đến khu vực thôn A, xã Q thì bị tổ công tác của Công an huyện Q yêu cầu về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q để làm rõ hành vi bán trái phép chất ma túy cho L2 vào ngày 01/6/2024. Tại đây, trước sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương và ông Lê Văn D, tổ công tác tiến hành kiểm tra, thu giữ tại túi chéo giả da màu nâu S đang đeo trên người 02 túi ni lông trong suốt có nẹp cài viên màu xanh, đều chứa các tinh thể trong suốt (*niêm phong ký hiệu M1, qua giám định là Methamphetamine có khối lượng 0,4879 gam*); 01 túi ni lông trong suốt có nẹp cài viên màu đỏ, bên trong có 24 gói gồm 05 gói giấy trắng có dòng kẻ in mực màu xanh, 06 gói giấy trắng có dòng kẻ in mực màu xanh-đen, 10 gói giấy trắng có dòng kẻ in mực màu đen và 03 gói giấy trắng có dòng kẻ đều chứa chất bột màu trắng (*niêm phong ký hiệu M2, qua giám định là Heroine có khối lượng 2,8537 gam*), S khai nhận đó là ma túy của S để bán kiếm lời; số tiền 1.200.000 đồng gồm 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 06 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng S khai do lao động mà có; kiểm tra xe mô tô trên, không phát hiện, thu giữ gì. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý, niêm phong vật chứng, phương tiện. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của S tại thôn D, xã A, huyện Q, không phát hiện, thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 791/KL-KTHS ngày 06/6/2024 của Phòng K, Công an tỉnh T, kết luận: “*Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Heroine), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; có khối lượng 0,3544 gam (không phải ba nghìn năm trăm bốn mươi bốn gam). Heroine STT: 09, Danh mục IA phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ*”;

Bản kết luận giám định số 906/KL-KTHS ngày 19/6/2024 của Phòng K, Công an tỉnh T, kết luận: “*Mẫu M1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,4879 gam (không phải bốn nghìn tám trăm bảy mươi chín gam). Mẫu M2 gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Heroine), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; có khối lượng 2,8537 gam (hai phẩy tám nghìn năm trăm ba mươi bảy gam). Methamphetamine STT: 247 Danh mục IIC phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ; Heroine STT: 09, Danh mục IA phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ*”.

Tại bản Cáo trạng số 90/CT-VKSQP ngày 09/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy S về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

-Tại phiên tòa:

Bị cáo L và bị cáo S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong giai đoạn điều tra, truy tố và đúng như nội dung mô tả trong bản Cáo trạng, các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo S phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Bị cáo L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo S; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm t khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L; Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo.

Xử phạt bị cáo S từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/6/2024 đến ngày 04/7/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo S.

Xử phạt bị cáo L từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 01/6/2024.

Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch để tiêu hủy ma túy được đựng trong 01 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 791/KL-KTHS và 02 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định đều số 906/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T và 01 túi giả da màu nâu. Buộc bị cáo S phải nộp lại số tiền 400.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

- Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng xã hội, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo S và bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người chứng kiến, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản quản lý đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 18 giờ 30 phút, 19 giờ 30 phút và 19 giờ 45 phút ngày 01/6/2024; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản quản lý đồ vật, tài liệu; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 11 giờ 30 phút, 12 giờ 10 phút, 12 giờ 15 phút và 12 giờ 30 phút ngày 14/6/2024; Biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định, Bản kết luận giám định số 791/KL-KTHS ngày 06/6/2024 và số 906/KL-KTHS ngày 19/6/2024 của Phòng K, Công an tỉnh T; Phiếu xét nghiệm test nhanh Morphin/Heroin ngày 03/6/2024 của Trung tâm y tế huyện Q đối với Nguyễn Văn L; Các biên bản nhận dạng ảnh và bản ảnh kèm theo do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 14 giờ ngày 10/6/2024 và 13 giờ 30 phút ngày 04/7/2024; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 16 giờ ngày 04/7/2024. Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 01/6/2024, tại đường T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Duy S đã có hành vi bán trái phép 01 gói Heroine khối lượng 0,3544 gam cho bị cáo Nguyễn Văn L lấy số tiền 400.000 đồng. Hồi 18 giờ 15 phút cùng ngày, tại khu vực tổ D, thị trấn Q, huyện Q, khi bị cáo Nguyễn Văn L đang có hành vi tàng trữ trái phép trên người gói Heroine vừa mua được của bị cáo S để sử dụng thì bị Công an huyện Q phát hiện, bắt quả tang. Hồi 11 giờ ngày 14/6/2024, tại khu vực thôn A, xã Q, huyện Q, bị cáo Nguyễn Duy S đã có hành vi tàng trữ trái phép trên người 02 túi Methamphetamine có khối lượng 0,4879 gam và 24 gói Heroine có khối lượng 2,8537 gam với mục đích để bán kiếm lời, bị Công an huyện Q phát hiện, thu giữ. Bị cáo Nguyễn Duy S đã 02 lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng ma túy đã bán và tàng trữ để bán kiếm lời là 3,696 gam.

Hành vi của bị cáo S đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo L đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Điều 251 Bộ luật Hình sự: Tội mua bán trái phép chất ma túy

" 1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Điều 249 Bộ luật Hình sự: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:... ”

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy: Bị cáo S đã bán trái phép chất ma túy cho người khác và tàng trữ tàng trữ trái phép ma túy mục đích để bán thu tiền lời bất chính. Bị cáo L là người nghiện ma túy, mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện, xâm phạm trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo coi thường pháp luật, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo S đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bị cáo L trong quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm. Vì vậy áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo, áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo S, áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L. Bị cáo S không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đối với bị cáo L đã bị kết án về tội “*Cướp giật tài sản*”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo L bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Từ những phân tích nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và bảo đảm mục đích hình phạt nói chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, bản thân mắc nghiện chất ma túy, bị cáo Nguyễn Duy S sức khỏe yếu, thường xuyên phải điều trị bệnh U nhầy nhú trong ống tụy (IPMN) tại bệnh viện; bị cáo Nguyễn Văn L tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về nguồn gốc số Heroine, bị cáo S khai mua của 02 người phụ nữ không rõ đặc điểm, không biết tên, địa chỉ vào các ngày 01/6/2024 và 13/6/2024 nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để điều tra, xử lý.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo S, Công an huyện Q đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 1.500.000 đồng đối với S.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo L 01 gói ma túy loại Heroin, thu giữ của S 02 gói ma túy loại Methamphetamine và 24 gói ma túy loại Heroin, xét thấy đây là vật chứng vụ án, là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, vì vậy cần tịch thu để tiêu hủy. Ngoài ra còn thu giữ của S 01 túi giả da màu nâu sử dụng làm công cụ cất giấu ma túy, xét thấy vật dụng trên đã cũ không còn giá trị sử dụng, vì vậy cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với số tiền 400.000 đồng S thu lợi bất chính từ việc bán ma túy cho L, cần buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng quản lý của S khi bắt quả tang không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, biển kiểm soát 17B7-188.56 là tài sản hợp pháp của mẹ đẻ S là bà Vũ Thị H, bà không biết việc S sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà và ngày 28/8/2024 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 1.200.000 đồng cho S, trả xe mô tô cho bà H là đúng quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy S phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- *Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.* Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy S 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2024 đến ngày 04/7/2024.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 ; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2024.

2. Xử lý vật chứng: *Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.*

-Tuyên tịch thu tiêu hủy ma túy được niêm phong trong 03 phong bì hoàn mẫu vật sau giám định gồm 01 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 791/KL-KTHS và 02 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định đều số 906/KL-KTHS của Phòng K - Công an tỉnh T.

-Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 túi giả da màu nâu.

-Buộc bị cáo S phải nộp lại số tiền 400.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

“Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ và hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý”

3. Về án phí: *Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.* Bị cáo S và bị cáo L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: *Áp dụng Điều 301, 303 Bộ luật Tố tụng hình sự.* Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Trại giam công an tỉnh Thái Bình.
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Đức